

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2018/DS-PT

Ngày: 05/02/2018

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Các Thẩm phán: Ông Phạm Kim Cửa

Ông Bùi Thế Xương

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Minh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Bà Đặng Thị Phương Kha – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 364/2017/TLPT - DS ngày 22 tháng 12 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2017/DS – ST ngày 02 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 17/2017/QĐ – PT ngày 10 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Võ Đăng K, sinh năm 1950,

2. Nguyễn Thị T, sinh năm 1952,

Cùng địa chỉ cư trú: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1977, địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. (Văn bản ủy quyền ngày 07/6/2017)

- Bị đơn:

1. Phạm Thị Hồng V, sinh năm 1972,

2. Nguyễn Hữu N, sinh năm 1970,

Cùng địa chỉ cư trú: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của ông N: bà Phạm Thị Hồng V. (Văn bản ủy quyền ngày 27/6/2017)

- *Người kháng cáo: Bị đơn Phạm Thị Hồng V.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn Võ Đăng K và Nguyễn Thị T cùng trình bày:

Trong năm 2012, bà Phạm Thị Hồng V và ông Nguyễn Hữu N có vay của vợ chồng bà số tiền 10.000.000 đồng và 18 chỉ vàng 24K. Khi vay bà V có làm giấy tay và ký nhận vào ngày 15/8/2012, vay vàng nhưng có quy đổi thành tiền bằng 4.000.000 đồng/1chỉ vàng, thành tiền tổng cộng là 82.000.000 đồng. Do chị em ruột nên bà cho bà V, ông N hứa hẹn nhiều lần nhưng vẫn không trả. Khi khởi kiện phía nguyên đơn yêu cầu trả 82.000.000 đồng nhưng tại phiên hòa giải ngày 16/6/2017, bà V chỉ thừa nhận còn nợ 18 chỉ vàng 24K nên bà thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà V và ông N có trách nhiệm liên đới trả cho vợ chồng bà 18 chỉ vàng 24K, không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn bà Phạm Thị Hồng V trình bày:

Bà thừa nhận có vay của bà Nguyễn Thị T 18 chỉ vàng 24K và 10.000.000 đồng tiền mặt, nhưng sau đó bà đã trả cho bà T 10.000.000 đồng xong nên chỉ còn thiếu lại 18 chỉ vàng 24K. Khi vay vàng và tiền của bà T, bà không làm giấy tờ gì cho bà T. Sau khi vay bà có trả lãi đầy đủ. Đến năm 2014, bà không trả lãi cho bà T thì bà T vào chiếm đất của bà hưởng huê lợi để trừ nợ.

Bà vay vàng của bà T sử dụng vào mục đích cá nhân, bà đồng ý trả cho bà T, ông Khoa 18 chỉ vàng 24K. Ông N (chồng bà) không có liên quan nên bà không đồng ý cùng ông N liên đới trả nợ.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn ông Nguyễn Hữu N trình bày:

Ông là chồng của bà Phạm Thị Hồng V. Ông có biết việc bà V vay của bà T, ông Khoa 18 chỉ vàng 24K. Lúc vay thì ông không biết vì việc vay này bà V sử dụng riêng cho bản thân. Tuy bà V vay sử dụng vào mục đích riêng tư nhưng ông là chồng bà V thì ông đồng ý cùng bà V có trách nhiệm liên đới trả cho bà T và ông Khoa 18 chỉ vàng 24K. Còn những việc liên quan đến tranh chấp đất đai thì sẽ giải quyết vào vụ kiện khác.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện C đưa vụ án ra xét xử, tại Bản án số 45/2017/DS – ST ngày 02 tháng 8 năm 2017 đã tuyên:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Đăng K và bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu thực hiện hợp đồng vay đối với bà Phạm Thị Hồng V và ông Nguyễn Hữu N.

- Buộc bà Phạm Thị Hồng V và ông Nguyễn Hữu N có trách nhiệm liên đới trả cho ông Võ Đăng K và bà Nguyễn Thị T 18 chỉ vàng 24K, vàng 9 tuổi 8.

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16/8/2017 bà Phạm Thị Hồng V kháng cáo, đơn kháng cáo có nội dung không đồng ý bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết những việc sau: Bà mượn tiền của bà T, ông N không có mượn tiền bà T; ông N đã ủy quyền cho bà vì vậy ông N không có ý kiến về việc liên quan đến tranh chấp đất đai thì sẽ giải quyết vào vụ kiện khác; tại thời điểm này, bà T vẫn còn ở trên đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà V vẫn giữ quan điểm kháng cáo.

Hai bên đương sự không thống nhất giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến cho rằng trong quá trình tố tụng, Tòa án và những người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng; về nội dung: kháng cáo của bà V là không có cơ sở, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn và bị đơn thống nhất về số là 18 chỉ vàng 24K. Tuy nhiên, bà V không đồng ý cùng ông N liên đới trả nợ vì bà cho rằng bà vay mục đích cá nhân, ông N không biết. Tại biên bản làm việc ngày 11/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện C làm việc với ông Nguyễn Hữu N, ghi nhận ông N mặc dù không biết việc bà V vay tiền của bà T nhưng ông đồng ý cùng bà V liên đới trả nợ cho bà T. Nên kháng cáo của bà V về việc không đồng ý ông N liên đới trả nợ cùng bà không có cơ sở chấp nhận.

[2] Xét kháng cáo của bà V về việc tranh chấp đất đai và yêu cầu bà T trả đất, tại biên bản hòa giải ở xã cũng như biên bản làm việc ngày 11/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện C làm việc với ông Nguyễn Hữu N, xác định việc bà T, ông Khoa vào thu huê lợi trên đất của bà V liên quan đến việc đổi đất, không

liên quan đến việc vay vàng như bà V trình bày, ông N cũng cho rằng nếu có tranh chấp đất đai thì sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ kiện khác. Bà V cho rằng việc bà T giữ đất để trừ tiền vay và lãi suất nhưng không có chứng cứ gì chứng minh và cũng không được bà T thừa nhận. Từ những nhận định nêu trên, xét thấy Tòa cấp sơ thẩm đã giải quyết toàn diện vụ án, kháng cáo của bà V là không có cơ sở chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà V phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị Hồng V.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2017/DS – ST ngày 02 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C.

Cụ thể tuyên:

Căn cứ Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Đăng K và bà Nguyễn Thị T về tranh chấp hợp đồng vay đối với bà Phạm Thị Hồng V và ông Nguyễn Hữu N.

- Buộc bà Phạm Thị Hồng V và ông Nguyễn Hữu N có trách nhiệm liên đới trả cho ông Võ Đăng K và bà Nguyễn Thị T 18 chỉ vàng 24K, vàng 9 tuổi 8.

Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Phạm Thị Hồng V và ông Nguyễn Hữu N phải liên đới chịu 3.024.000 đồng (ba triệu không trăm hai mươi bốn nghìn đồng).

- Hoàn tạm ứng án phí đã nộp cho bà Nguyễn Thị T và ông Võ Đăng K số tiền là 2.050.000 đồng (hai triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0010024 ngày 12/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm Thị Hồng V phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp số tiền

300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0010242 ngày 16/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Ngọc Dũng